



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

han

du

jeg

vi

det

hun

hvad

de

I

hvorfor

hvor

hvem

hvornår

hvilken

hvordan

virkelig

hvis

så

ikke

fordi

men

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

alle

det

dette

her

og

eller

højre

venstre

der

en
formiddag
formiddage

en
eftermiddag
eftermiddage

nu

en
aften
aftener

en
morgen
morgener

en
nat
nætter

en
time
timer

en
midnat

en
middag
middage

en
dag
dage

et
sekund
sekunder

et
minut
minutter

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

et
år
år

en
måned
måneder

en
uge
uger

i morgen

i dag

i går

en
onsdag
onsdage

en
tirsdag
tirsdage

en
mandag
mandage

en
lørdag
lørdage

en
fredag
fredage

en
torsdag
torsdage

en
mand
mænd

en
kvinde
kvinder

en
søndag
søndage

en
kæreste
kærester

en
kæreste
kærester

en
kærlighed

sex

et
kys
kys

en
ven
venner

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

en
dreng
dreng

en
pige
piger

et
barn
børn

en
moder
mødre

en
far
fædre

en
mor
mødre

en
søn
sønner

forældre

en
fader
fædre

en
lillebror
lillebrødre

en
lillesøster
lillesøstre

en
datter
døtre

en
mand
mænd

en
storebror
storebrødre

en
storesøster
storesøstre

altid

hver

en
kone
koner

allerede

igen

faktisk

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

mere

mest

mindre

ude

meget

ingen

nær

fjern

inde

ved siden af

over

under

alle

bagved

frem

et
forår
forår

andre

sammen

en
vinter
vintre

et
efterår
efterår

en
sommer
somre

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

marts

februar

januar

juni

maj

april

september

august

juli

december

november

oktober

syd

øst

nord

straks

tit

vest

selvom

pludselig

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

to

en

nul

fem

fire

tre

otte

syv

seks

elleve

ti

ni

fjorten

tretten

tolv

sytten

seksten

femten

tyve

nitten

atten

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

seksogtyve

toogtyve

enogtyve

treogtredive

enogtredive

tredive

enogfyrre

fyrre

syvogtredive

halvtreds

otteogfyrre

fireogfyrre

nioghalvtreds

femoghalvtreds

enoghalvtreds

toogtres

enogtres

tres

enoghalvfjerds

halvfjerds

seksogtres

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

firs

syvoghalvfjerds

treoghalvfjerds

otteogfirs

fireogfirs

enogfirs

femoghalvfems

enoghalvfems

halvfems

et hundrede og en

et hundrede

nioghalvfems

et hundrede og
enoghalvtreds

et hundrede og ti

et hundrede og fem

to hundrede og seks

to hundrede og to

to hundrede

tre hundrede

to hundrede og toogtres

to hundrede og tyve

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

tre hundrede og tredive

tre hundrede og syv

tre hundrede og tre

fire hundrede og fire

fire hundrede

tre hundrede og
treoghalvfjerds

fire hundrede og fireogfirs

fire hundrede og fyrre

fire hundrede og otte

fem hundrede og ni

fem hundrede og fem

fem hundrede

seks hundrede

fem hundrede og
femoghalvfems

fem hundrede og halvtreds

seks hundrede og seksten

seks hundrede og seks

seks hundrede og en

syv hundrede og to

syv hundrede

seks hundrede og tres

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

syv hundrede og halvfjerds

syv hundrede og syvogtyve

syv hundrede og syv

otte hundrede og otte

otte hundrede og tre

otte hundrede

ni hundrede

otte hundrede og firs

otte hundrede og
otteogtredive

ni hundrede og niogfyrre

ni hundrede og ni

ni hundrede og fire

et tusind og en

et tusind

ni hundrede og halvfems

to tusind

et tusind to hundrede og
fireogtredive

et tusind og tolv

to tusind tre hundrede og
femogfyrre

to tusind og treogtyve

to tusind og to

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

fire tusind

tre tusind og tre

tre tusind

fem tusind seks hundrede og
otteoghalvfjerds

fem tusind

fire tusind og femogfyrre

syv tusind otte hundrede og
halvfems

syv tusind

seks tusind

ni tusind

otte tusind ni hundrede og
en

otte tusind

ti tusind og en

ti tusind

ni tusind og halvfems

fireogfyrre tusind

tredive tusind tre hundrede

tyve tusind og tyve

en million

fem hundrede tusind

et hundrede tusind

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

halvfjerds millioner

ti millioner

seks millioner

en milliard

otte hundrede millioner

hundrede millioner

tyve milliarder

ti milliarder

ni milliarder

en billion

tre hundrede milliarder

hundrede milliarder

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

at komme

kommer, kom, kommet

at tænke

tænker, tænkte, tænkt

at vide

ved, vidste, vidst

at finde

finder, fandt, fundet

at tage

tager, tog, taget

at sætte

sætter, satte, sat

at tale

taler, talte, talt

at arbejde

arbejder, arbejdede, arbejdet

at lytte

lytter, lyttede, lyttet

at hjælpe

hjælper, hjalp, hjulpet

at kunne lide

kan, kunne, kunnet

at give

giver, gav, givet

at vente

venter, ventede, ventet

at ringe

ringer, ringede, ringet

at elske

elsker, elskede, elsket

at lukke

lukker, lukkede, lukket

at sidde

sidder, sad, siddet

at stå

står, stod, stået

at vinde

vinder, vandt, vundet

at tabe

taber, tabte, tabt

at åbne

åbner, åbnede, åbnet

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

at tænde

tænder, tændte, tændt

at leve

lever, levede, levet

at dø

dør, døde, død

at skade

skader, skadede, skadet

at dræbe

dræber, dræbte, dræbt

at slukke

slukker, slukkede, slukket

at drikke

drikker, drak, drukket

at se

ser, så, set

at røre

rører, rørte, rørt

at møde

møder, mødte, mødt

at gå

går, gik, gået

at spise

spiser, spiste, spist

at følge

følger, fulgte, fulgt

at kysse

kysser, kyssede, kysset

at vædde

vædder, væddede, væddet

at spørge

spørger, spurgte, spurgt

at svare

svarer, svarede, svaret

at gifte sig

gifter, giftede, giftet

at presse

presser, pressede, presset

at skubbe

skubber, skubbede, skubbet

at trække

trækker, trak, trukket

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

at kæmpe

kæmper, kæmpede, kæmpet

at fange

fanger, fangede, fanget

at slå

slår, slog, slået

at læse

læser, læste, læst

at løbe

løber, løb, løbet

at kaste

kaster, kastede, kastet

at tælle

tæller, talte, talt

at reparere

reparerer, reparerede, repareret

at skrive

skriver, skrev, skrevet

at købe

køber, købte, købt

at sælge

sælger, solgte, solgt

at klippe

klipper, klippede, klippet

at drømme

drømmer, drømte, drømt

at studere

studerer, studerede, studeret

at betale

betaler, betalte, betalt

at fejre

fejrer, fejrede, fejret

at lege

leger, legede, leget

at sove

sover, sov, sovet

at skyde

skyder, skød, skudt

at rengøre

rengør, rengjorde, rengjort

at nyde

nyder, nød, nydt

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

at stjæle
stjæler, stjal, stjålet

at angribe
angriber, angreb, angrebet

at forsvare
forsvarer, forsvarede, forsvaret

at flyve
flyver, fløj, fløjet

at redde
redder, reddede, reddet

at brænde
brænder, brændte, brændt

at bide
bider, bed, bidt

at sparke
sparker, sparkede, sparket

at spytte
spytter, spyttede, spyttet

at græde
græder, græd, grædt

at lugte
lugter, lugtede, lugtet

at ånde
ånder, åndede, åndet

at grine
griner, grinede, grinet

at smile
smiler, smilede, smilet

at synge
synger, sang, sunget

at skændes
skændes, skændtes, skændtes

at krympe
krymper, krympede, krympet

at vokse
vokser, voksede, vokset

at gemme
gemmer, gemte, gemt

at fodre
fodrer, fodrede, fodret

at dele
deler, delte, delt

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

at hoppe

hopper, hoppede, hoppet

at svømme

svømmer, svømmede, svømmet

at advare

advarer, advarede, advaret

at levere

leverer, leverede, leveret

at grave

graver, gravede, gravet

at løfte

løfter, løftede, løftet

at rejse

rejser, rejste, rejst

at øve

øver, øvede, øvet

at lede efter

leder, ledte, ledt

at låse

låser, låste, låst

at åbne

åbner, åbnede, åbnet

at male

maler, malede, malet

at lave mad

laver, lavede, lavet

at bede

beder, bad, bedt

at vaske

vasker, vaskede, vasket

at citere

citerer, citerede, citeret

at råbe

råber, råbte, råbt

at kaste op

kaster, kastede, kastet

at tjene

tjener, tjente, tjent

at beregne

beregner, beregnede, beregnet

at udskrive

udskriver, udskrev, udskrevet

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

få

gammel
gammelt, gamle

ny
nyt, nye

korrekt
korrekt, korrekte

forkert
forkert, forkerte

mange

lykkelig
lykkeligt, lykkelige

god
godt, gode

dårlig
dårligt, dårlige

lille
lille, små

lang
langt, lange

kort
kort, korte

ung
ungt, unge

smuk
smukt, smukke

stor
stort, store

sort
sort, sorte

hvid
hvidt, hvide

gammel
gammelt, gamle

grøn
grønt, grønne

blå
blåt, blå

rød
rødt, røde

màu vàng

chậm

nhANH

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

hurtig
hurtigt, hurtige

langsom
langsomt, langsomme

gul
gult, gule

retfærdig
retfærdigt, retfærdige

uretfærdig
uretfærdigt, uretfærdige

sjov
sjovt, sjove

rig
rigt, rige

let
let, lette

vanskelig
vanskeligt, vanskelige

svag
svagt, svage

stærk
stærkt, stærke

fattig
fattigt, fattige

stolt
stolt, stolte

træt
træt, trætte

sikker
sikkert, sikre

sund
sundt, sunde

syg
sygt, syge

mæt
mæt, mætte

høj
højt, høje

lav
lavt, lave

vred
vredt, vrede

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

blød
blødt, bløde

sur
surt, sure

sød
sødt, søde

dum
dumt, dumme

sød
sødt, søde

hård
hårdt, hårde

høj
højt, høje

travl
travlt, travle

skør
skørt, skøre

overrasket

bekymret

lille
lille, små

klog
klogt, kloge

ond
ondt, onde

velopdragen
velopdragent, velopdragne

orange
orange, orange

hed
hedt, hede

kold
koldt, kolde

lyserød
lyserødt, lyserøde

brun
brunt, brune

grå
gråt, grå

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

let
let, lette

tung
tungt, tunge

kedelig
kedeligt, kedelige

tørstig
tørstigt, tørstige

sulten
sultent, sultne

ensom
ensomt, ensomme

flad
fladt, flade

stejl
stejlt, stejle

trist
trist, triste

dyb
dybt, dybe

bred
bredt, brede

smal
smalt, smalle

beskidt
beskidt, beskidte

kæmpe
kæmpe, kæmpe

lav
lavt, lave

tom
tomt, tomme

fuld
fuldt, fulde

ren
rent, rene

sexet
sexet, sexede

billig
billigt, billige

dyr
dyrt, dyre

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

gavmild
gavmildt, gavmilde

modig
modigt, modige

doven
dovent, dovne

højt
højt, høje

tør
tørt, tørre

våd
vådt, våde

regnfuld
regnfuldt, regnfulde

solrig
solrigt, solrige

stille
stille, stille

overskyet
overskyet, overskyede

tåget
tåget, tågede

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

løb

tennis

gymnastik

fodbold

golf

cykling

dykning

svømning

basketball

triathlon

maratonløb

vandreture

boksning

vægtløftning

bordtennis

snowboarding

kunstskejt

badminton

ishockey

langrend

skiløb

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

beach volleyball

håndbold

volleyball

baseball

cricket

rugby

udspring

vandpolo

amerikansk fodbold

roning

sejlads

surfing

faldskærmsudspring

dans

yoga

bowling

poker

skak

ballet

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

en
hest
heste

en
ko
køer

en
gris
grise

en
abe
aber

et
får
får

en
hund
hunde

en
kylling
kyllinger

en
bjørn
bjørne

en
kat
katte

en
bi
bier

en
sommerfugl
sommerfugle

en
and
ænder

en
slange
slanger

en
edderkop
edderkopper

en
fisk
fisk

en
kanin
kaniner

en
mus
mus

en
tiger
tigre

en
elefant
elefanter

et
æsel
æsler

en
løve
løver

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

en
myg
myg

en
bille
biller

en
due
duer

en
hval
hvaler

en
myre
myrer

en
flue
fluer

en
snegl
snegle

en
delfin
delfiner

en
haj
hajer

en
isbjørn
isbjørne

en
panda
pandaer

en
frø
frøer

en
kænguru
kænguruer

en
koala
koalaer

en
ulv
ulve

en
flodhest
flodheste

en
ræv
ræve

en
giraf
giraffer

en
svane
svaner

en
ravn
ravne

en
flagermus
flagermus

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

en
pingvin
pingviner

en
ugle
ugler

en
måge
måger

en
guldsmed
guldsmede

en
larve
larver

en
papegøje
papegøjer

en
søhest
søheste

en
blæksprutte
blæksprutter

en
blæksprutte
blæksprutter

en
krabbe
krabber

en
vandmand
vandmænd

en
sæl
sæler

en
krokodille
krokodiller

en
skildpadde
skildpadder

en
dinosaur
dinosaurer

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Asien

Europa

Spanien

Storbritannien

Afrika

Frankrig

Italien

Schweiz

Singapore

Thailand

Tyskland

Israel

Japan

Rusland

Amerikas Forenede Stater

Kina

Indien

Chile

Canada

Mexico

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Sydafrika

Argentina

Brasilien

Libyen

Marokko

Nigeria

Egypten

Algeriet

Kenya

Australien

New Zealand

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

et
hår
hår

en
næse
næser

et
hoved
hoveder

et
øje
øjne

et
øre
ører

en
mund
munde

et
hjerte
hjerter

en
fod
fødder

en
hånd
hænder

en
bagdel
bagdele

en
hals
halse

en
hjerne
hjerner

et
ben
ben

et
knæ
knæ

en
skulder
skuldre

en
barm
barne

en
mave
maver

en
arm
arme

en
tunge
tunger

en
tand
tænder

en
ryg
rygge

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

en
tå
tæer

en
finger
fingre

en
læbe
læber

en
lever
leverer

en
lunge
lunger

en
mavesæk
mavesække

en
tarm
tarme

en
nyre
nyrer

en
nerve
nerver

en
kind
kinder

en
hage
hager

en
pande
pander

en
lillefinger
lillefingre

en
tommelfinger
tommelfingre

et
skæg
skæg

en
pegefinger
pegefingre

en
langefinger
langefingre

en
ringfinger
ringfingre

en
rygrad
rygrade

en
hæl
hæle

en
fingernegl
fingernegle

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

et
skelet
skeletter

en
knogle
knogler

en
muskel
muskler

en
blære
blærer

en
ryghvirvel
ryghvirvler

et
ribben
ribben

en
vagina
vaginaer

en
pulsåre
pulsårer

en
vene
vener

en
testikel
testikler

en
penis
penisser

et
sperma

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

et
badeværelse
badeværelser

et
køkken
køkkener

en
dør
døre

en
have
haver

et
soveværelse
soveværelser

en
stue
stuer

en
kælder
kældre

en
væg
vægge

en
garage
garager

et
tag
tage

en
trappe
trapper

et
toilet
toiletter

en
kop
kopper

en
kniv
knive

et
vindue
vinduer

et
bæger
bægre

en
tallerken
tallerkener

et
glas
glas

et
skrivebord
skriveborde

en
skål
skåle

en
skraldespand
skraldespande

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xếp

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

en
bruser
brusere

et
spejl
spejle

en
seng
senge

et
ur
ure

et
billede
billeder

en
sofa
sofaer

en
nabo
naboer

en
stol
stole

et
bord
borde

et
loftsrum
loftsrum

en
altan
altaner

en
elevator
elevatorer

en
spisepind
spisepinde

en
træske
træskeer

en
skorsten
skorstene

en
gaffel
gafler

en
ske
skeer

et
bestik

en
pande
pander

en
gryde
gryder

en
slev
sleve

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

et
gardin
gardiner

en
bogreol
bogreoler

en
lyspære
lyspærer

et
tæppe
tæpper

en
pude
puder

en
madras
madrasser

en
garderobe
garderober

en
skuffe
skuffer

en
hylde
hylder

en
badevægt
badevægte

en
kost
koste

en
spand
spande

et
badehåndklæde
badehåndklæder

et
badekar
badekar

en
vasketøjskurv
vasketøjskurve

et
håndklæde
håndklæder

et
toiletpapir

en
sæbe
sæber

en
postkasse
postkasser

en
stige
stiger

en
håndvask
håndvaske

hàng rào

et
hegn
hegn

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

en
mælk

en
ost
oste

et
æg
æg

en
knogle
knogler

et
kød

en
fisk
fisk

sukker

brød

olie

en
kage
kager

et
slik
slikket

en
chokolade
chokolader

te

kaffe

vand

en
salat
salater

vin

øl

en
morgenmad
morgenmåltider

en
dessert
desserter

en
suppe
supper

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

en
pizza
pizzaer

en
aftensmad
aftensmåltider

en
frokost
frokoster

en
yoghurt

et
smør

en
flødeis

en
skinke

en
laks
laks

en
tunfisk
tunfisk

et
kalkunkød

en
pølse
pølser

en
bacon

et
svinekød

et
oksekød

et
kyllingekød

en
champignon
champignoner

et
græskar
græskar

et
lammekød

en
porre
porrer

et
hvidløg
hvidløg

en
trøffel
trøfler

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

en
sød kartoffel
søde kartofler

en
aubergine
auberginer

en
ingefær
ingefæren

en
chili
chilier

en
agurk
agurker

en
gulerod
gulerødder

en
kartoffel
kartofler

et
løg
løg

en
rød peber
røde pebre

en
broccoli
broccoli

et
kål
kål

et
blomkål
blomkål

en
bambus
bambus

en
spinat

en
salat
salater

en
ært
ærter

en
selleri
sellerier

en
majs
majs

et
æble
æbler

en
pære
pærer

en
bønne
bønner

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

en
daddel
dadler

en
figen
figener

en
oliven
oliven

en
hasselnød
hasselnødder

en
mandel
mandler

en
kokosnød
kokosnødder

en
mango
mangoer

en
banan
bananer

en
jordnød
jordnødder

en
ananas
ananas

en
avocado
avocadoer

en
kiwi
kiwier

en
hønningmelon
hønningmeloner

en
vindrue
vindruer

en
vandmelon
vandmeloner

et
jordbær
jordbær

et
blåbær
blåbær

et
hindbær
hindbær

en
abrikos
abrikoser

en
blomme
blommer

et
kirsebær
kirsebær

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

en
grapefrugt
grapefrugter

en
citron
citroner

en
fersken
ferskener

mynte

en
tomat
tomater

en
appelsin
appelsiner

vanilje

kanel

citrongræs

karry

peber

salt

eddike

tofu

tobak

mel

sojamælk

nudel

hvede

havre

ris

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

honning

en
nød
nødder

soja

en
pandekage
pandekager

et
tyggegummi
tyggegummier

marmelade

en
muffin
muffins

en
budding
buddinger

en
småkage
småkager

appelsinjuice

energidrik

en
donut
donuts

cola

milkshake

æblejuice

rom

cocktail

varm chokolade

et
menukort

vodka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

spaghetti

fisk og skaldyr

kyllingevinger

chips

popcorn

mayonnaise

sennep

pomfritter

en
hotdog
hotdogs

en
sandwich
sandwiches

en
ketchup

en
burger
burgere

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

en
lektie
lektier

et
bibliotek
biblioteker

en
bog
bøger

videnskab

en
lektion
lektioner

en
eksamen
eksamener

en
pen
penne

kunst

historie

anden

første

en
blyant
blyanter

en
forskning
forskninger

fjerde

tredje

en
ordbog
ordbøger

en
sportsplads
sportspladser

en
grad
grader

geometri

en
notesbog
notesbøger

et
semester
semestre

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

økonomi

filosofi

politik

matematik

biologi

idræt

kemi

litteratur

geografi

et
viskelæder
viskelædere

en
lineal
linealer

fysik

en
lim
lime

et
klisterbånd
klisterbånd

en
saks
sakse

tre procent

en
klips
klips

en
kuglepen
kuglepenne

kubikmeter

nul procent

hundred procent

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

meter

mil

kvadratmeter

decimeter

centimeter

millimeter

multiplikation

subtraktion

addition

en
volumen
volumener

et
areal
arealer

division

en
trekant
trekanter

en
firkant
firkanter

et
rektangel
rektangler

en
milliliter
milliliter

en
liter
liter

en
cirkel
cirkler

et
gram
gram

et
kilogram
kilogram

et
ton
ton

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

en
tragt
tragte

et
mikroskop
mikroskoper

en
magnet
magneter

et
foredrag
foredrag

et
laboratorium
laboratorier

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant

ild

aske

en
stjerne
stjerner

en
sol
sole

en
måne
måner

en
sø
søer

en
kyst
kyster

en
planet
planeter

en
bakke
bakker

en
ørken
ørkener

en
skov
skove

en
dal
dale

en
flod
floder

en
sten
sten

et
ocean
oceaner

en
ø
øer

et
bjerg
bjerge

en
sne

en
is
is

et
hav
have

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

en
vind
vinde

en
regn

en
storm
storme

en
rose
rosen

et
græs
græsser

et
træ
træer

jord

et
metal
metaller

en
blomst
blomster

sand

kul

lava

en
satellit
satellitter

en
raket
raketter

ler

et
kontinent
kontinenter

en
asteroide
asteroider

en
galakse
galakser

Nordpolen

Sydpolen

ækvator

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

en
hule
huler

en
regnskov
regnskove

et
vandløb
vandløb

en
gletsjer
gletsjere

en
kyst
kyster

et
vandfald
vandfald

en
vulkan
vulkaner

et
krater
kratere

et
jordskælv
jordskælv

en
tåge
tåger

en
oversvømmelse
oversvømmelser

en
atmosfære
atmosfærer

et
lyn
lyn

en
torden

en
regnbue
regnbuer

en
tyfon
tyfoner

en
temperatur
temperaturer

et
tordenvejr
tordenvejr

en
gren
grene

en
sky
skyer

en
orkan
orkaner

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

en
stamme
stammer

en
rod
rødder

et
blad
blade

carbondioxid

plast

et
frø
frø

ilt

jern

et
atom
atomer

sølv

guld

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

et
tog
toge

en
bus
busser

en
bil
biler

et
fly
fly

et
busstoppested
busstoppesteder

en
togstation
togstationer

en
cykel
cykler

en
lastbil
lastbiler

et
skib
skibe

et
trafiklys
trafiklys

en
taxa
taxaer

en
motorcykel
motorcykler

et
batteri
batterier

en
vej
veje

en
parkeringsplads
parkeringspladser

et
rat
rat

en
airbag
airbags

en
motor
motorer

et
bagagerum
bagagerum

et
dæk
dæk

en
sikkerhedssele
sikkerhedsseler

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

en
undergrundsbane
undergrundsbaner

et
billetkontor
billetkontorer

en
billetautomat
billetautomater

en
sporvogn
sporvogne

et
lokomotiv
lokomotiver

et
højhastighedstog
højhastighedstoge

en
lufthavn
lufthavne

en
minibus
minibusser

en
skolebus
skolebusser

første klasse

en
helikopter
helikoptere

et
flyselskab
flyselskaber

en
redningsvest
redningsveste

business class

økonomiklasse

et
krydstogtskib
krydstogtskibe

en
ubåd
ubåde

en
container
containere

en
færge
færger

en
yacht
yachter

et
containerskib
containerskibe

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-móc

xe tay ga

xe cáp treo

en
radar
radarer

en
redningsbåd
redningsbåde

en
havn
havne

en
tankstation
tankstationer

et
fortov
fortove

en
gadelampe
gadelamper

en
trafikprop
trafikpropper

et
fodgængerfelt
fodgængerfelter

en
byggeplads
byggepladser

en
gravemaskine
gravemaskiner

en
tank
tanke

en
motorvej
motorveje

en
scooter
scootere

en
anhænger
anhængere

en
traktor
traktorer

en
svævebane
svævebaner

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

et
hus
huse

en
skole
skoler

et
hospital
hospitaller

et
supermarked
supermarkeder

et
marked
markeder

en
regning
regninger

en
gård
gårde

et
universitet
universiteter

en
lejlighed
lejligheder

en
bar
barer

en
restaurant
restauranter

en
kirke
kirker

et
toilet
toiletter

en
park
parker

et
fitnesscenter
fitnesscentre

et
politi

en
ambulance
ambulancer

et
kort
kort

en
forstad
forstæder

et
land
lande

et
brandvæsen
brandvæsener

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

et
indkøbscenter
indkøbscentre

en
garanti
garantier

en
landsby
landsbyer

et
slot
slotte

en
skyskraber
skyskrabere

et
apotek
apoteker

et
tempel
templer

en
synagoge
synagoger

en
ambassade
ambassader

et
rådhus
rådhus

en
moske
moskeer

en
fabrik
fabrikker

en
natklub
natklubber

et
springvand
springvand

et
postkontor
postkontorer

et
fodboldstadion
fodboldstadioner

en
golfbane
golfbaner

en
bænk
bænke

en
turistinformation
turistinformationer

en
tennisbane
tennisbaner

en
svømmehal
svømmehaller

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

et
museum
museer

et
kunstgalleri
kunstgallerier

et
kasino
kasinoer

et
akvarium
akvarier

en
souvenir
souvenirer

en
nationalpark
nationalparker

et
vandland
vandlande

en
rutsjebane
rutsjebaner

en
vandrutsjebane
vandrutsjebaner

en
nøddudgang
nøddugange

en
legeplads
legepladser

en
zoo
zooer

en
politistation
politistationer

en
brandslukker
brandslukkere

en
brandalarm
brandalarmer

en
hovedstad
hovedstæder

en
region
regioner

en
stat
stater

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

en
kirurgi

en
patient
patienter

en
ulykke
ulykker

en
hoste

en
feber

en
pille
piller

et
venteværelse
venteværelser

en
intensivafdeling
intensivafdelinger

en
skadestue
skadestuer

en
udløbsdato
udløbsdatoer

en
sovepille
sovepiller

en
aspirin
aspiriner

en
bivirkning
bivirkninger

en
hostesaft
hostesafter

en
dosis
doser

en
kapsel
kapsler

et
pulver
pulvere

en
insulin
insuliner

et
antibiotikum
antibiotika

en
smertestillende medicin

et
vitamin
vitaminer

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chует rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

et
hjerteanfald
hjerteanfald

en
virus
virusser

en
bakterie
bakterier

et
slagtilfælde
slagtilfælde

sukkersyge

diarre

en
influenza
influenzaer

kræft

astma

ondt i halsen

en
solskoldning

en
tandpine

en
allergi
allergier

en
infektion
infektioner

en
mavepine

en
sprøjte
sprøjter

en
hovedpine

en
krampe
kramper

en
ultralydsmaskine
ultralydsmaskiner

et
røntgenbillede
røntgenbilleder

en
krykke
krykker

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

en
gips bandage
gips bandager

en
kørestol
kørestole

et
plaster
plastre

en
nødsituation
nødsituationer

en
skade
skader

en
puls
pulse

et
knoglebrud
knoglebrud

en
forbrænding
forbrændinger

en
hjernerystelse
hjernerystelser

en
graviditetstest
graviditetstests

en
P-pille
P-piller

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

en
politimand
politimænd

en
sygeplejerske
sygeplejersker

en
læge
læger

en
detektiv
detektiver

en
kaptajn
kaptajner

en
præsident
præsidenter

en
lærer
lærere

en
professor
professorer

en
pilot
piloter

en
assistent
assistenter

en
sekretær
sekretærer

en
advokat
advokater

en
kok
kokke

en
manager
managers

en
dommer
dommere

en
model
modeller

en
buschauffør
buschauffører

en
taxachauffør
taxachauffører

en
farmaceut
farmaceuter

en
statsminister
statsministere

en
kunstner
kunstnere

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

en
entreprenør
entreprenører

en
tandlæge
tandlæger

en
brandmand
brandmænd

en
stewardesse
stewardesser

en
programmør
programmører

en
politiker
politikere

en
arkitekt
arkitekter

en
pædagog
pædagoger

en
videnskabsmand
videnskabsmænd

en
anklager
anklagere

en
konsulent
konsulenter

en
bogholder
bogholdere

en
udlejer
udlejere

en
livvagt
livvagter

en
administrerende direktør
administrerende direktører

en
soldat
soldater

en
sikkerhedsvagt
sikkerhedsvagter

en
tjener
tjenere

en
blikkenslager
blikkenslagere

en
rengøringsassistent
rengøringsassistenter

en
fisker
fiskere

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

en
receptionist
receptionister

en
landmand
landmænd

en
elektriker
elektrikere

en
frisør
frisører

en
kassedame
kassedamer

et
postbud
postbude

en
fotograf
fotografer

en
journalist
journalister

en
forfatter
forfattere

en
musiker
musikere

en
sanger
sangere

en
livredder
livreddere

en
træner
trænere

en
reporter
reportere

en
skuespiller
skuespillere

en
dommer
dommere

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

en
stress

et
kontor
kontorer

penge

en
afdeling
afdelinger

et
personale
personaler

en
forsikring
forsikringer

et
brev
breve

en
adresse
adresser

en
løn
lønninger

en
e-mailadresse
e-mailadresser

en
webadresse
webadresser

et
telefonnummer
telefonnumre

en
underskrift
underskrifter

en
e-mail
e-mails

en
webside
websider

en
kunde
kunder

en
profit
profitter

et
tab
tab

en
adgangskode
adgangskoder

et
kreditkort
kreditkort

et
beløb
beløb

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

et
mødelokale
mødelokaler

en
skat
skatter

en
pengeautomat
pengeautomater

en
personaleafdeling
personaleafdelinger

IT

et
visitkort
visitkort

en
markedsføring
markedsføringer

et
regnskab
regnskaber

en
juridisk afdeling
juridiske afdelinger

en
arbejdsgiver
arbejdsgivere

en
kollega
kollegaer

et
salg
salg

en
præsentation
præsentationer

et
notat
notater

en
medarbejder
medarbejdere

en
projektor
projektorer

et
gummistempel
gummistempler

en
mappe
mapper

en
kuvert
kuverter

et
frimærke
frimærker

en
pakke
pakker

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

en
børs
børser

en
investering
investeringer

en
browser
browsere

en
rente
renter

en
mønt
mønter

en
pengeseddel
pengesedler

en
bankkonto
bankkontoer

et
kontonummer
kontonumre

et
lån
lån

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

et
kamera
kameraer

et
fjernsyn
fjernsyn

en
telefon
telefoner

et
klimaanlæg
klimaanlæg

en
ventilator
ventilatorer

en
radio
radioer

en
støvsuger
støvsugere

en
brødrister
brødristerer

en
kaffemaskine
kaffemaskiner

en
opvaskemaskine
opvaskemaskiner

en
kedel
kedler

en
hårtørrer
hårtørrere

en
mikroovn
mikroovne

en
ovn
ovne

et
komfur
komfurer

en
fjernbetjening
fjernbetjeninger

en
vaskemaskine
vaskemaskiner

et
køleskab
køleskabe

et
tastatur
tastaturer

en
mus
mus

en
høretelefon
høretelefoner

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

en
scanner
scannere

et
USB stik
USB stik

en
harddisk
harddisks

en
bærbar
bærbare

en
skærm
skærme

en
printer
printere

en
højttaler
højttalere

en
robot
robotter